

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2026/HNGĐ-ST

Ngày 19/03/2026

V/v: ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Trà.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Đình Hải.

2. Bà Phan Thị Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Nguyễn Trường G - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 03 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 417/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13/02/2026 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 03/TB-TA ngày 27/02/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Anh Đ, sinh ngày 12/03/1989; CCCD: 075189005880; Địa chỉ: Tổ H, khu phố T, phường P, Thành phố T (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh ngày 11/07/1988; CCCD: 077088000434; Địa chỉ: Tổ H, khu phố T, phường P, Thành phố T (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Bùi Thị Anh Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Anh Đ và ông Nguyễn Văn T xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Ủy ban nhân dân phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 41 ngày 23/04/2022. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, sau đó phát sinh mâu thuẫn từ cuối năm 2022, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, lối sống chung không phù hợp, luôn xảy ra to tiếng cãi nhau vì ông T không tu chí làm ăn, không chịu đi làm và thường xuyên cờ bạc. Bà Đ đã nhiều lần khuyên ông T từ bỏ cờ bạc, cố gắng làm ăn nhưng cũng vô ích. Từ khoảng tháng 4 năm 2025, vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai về tình cảm và kinh tế. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên bà Bùi Thị Anh Đ có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Bà Đ và ông T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Bùi Thị Anh Đ xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Văn T: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là ông Nguyễn Văn T theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông T không đến Tòa án làm việc, không có văn bản thể hiện ý kiến nên không có quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Anh Đ.

Theo kết quả xác minh, ông Nguyễn Văn T hiện nay có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại địa chỉ: Tổ H, khu phố T, phường P, Thành phố T.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn: Cho bà Đ ly hôn với ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự, ý của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

- Nguyên đơn bà Bùi Thị Anh Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Văn T. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn có nơi cư trú tại Tổ H, khu phố T, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Đối với sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Anh Đ và ông Nguyễn Văn T đến với nhau hoàn toàn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Ủy ban nhân dân phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) vào ngày 23/04/2022 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Đ trình bày: Sau thời một thời gian chung sống hạnh phúc thì sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ cuối năm 2022, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, lối sống chung không phù hợp, luôn xảy ra to tiếng cãi nhau vì ông T không tu chí làm ăn, không chịu đi làm và thường xuyên cờ bạc. Bà Đ đã nhiều lần khuyên ông T từ bỏ cờ bạc, cố gắng làm ăn nhưng cũng vô ích. Từ khoảng tháng 4 năm 2025, vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai về tình cảm và kinh tế.

Bên cạnh đó, quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông T không đến Tòa án để làm việc, hòa giải, không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của bà Đ, điều này chứng tỏ ông T có thái độ bỏ mặc, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”. Tuy nhiên, từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Đ, ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ theo quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đ.

[2.2] *Về con chung*: Vợ chồng bà Đ, ông T không có con chung.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí*: Bà Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Anh Đ.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Anh Đ được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Bùi Thị Anh Đ phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0044691 ngày 02 tháng 12 năm 2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 19/03/2026), các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND KV12 – TP. HCM;
- Phòng THADS KV12 – TP. HCM;
- Các đương sự;
- UBND phường Phú Mỹ
(GCNKH: 41, ngày 23/04/2022);
- Lưu hồ sơ.

Huỳnh Thanh Trà